

Số :1411/VFM.2016

CÔNG BỐ THÔNG TIN SAU GIAO DỊCH HOÁN ĐỔI
ANNOUCEMENT AFTER EXCHANGE TRADING

Kính gửi/Dear : - Sở Giao dịch chứng khoán TP.HCM/ Ho Chi Minh Stock Exchange
- Thành viên lập quỹ/Nhà đầu tư/Authorized Participants and Investors

Công ty QLQ VFM thông báo những thông tin sau khi kết thúc phiên giao dịch hoán đổi như sau:

VFM would like to announce the information after exchange trading:

- Tên quỹ: **Quỹ ETF VFMVN30/ Fund name: VFMVN30 ETF**
- Mã ccq/Code: **E1VFN30**
- Ngày giao dịch hoán đổi/ Exchange Date: **14-11-17**
- Đơn vị tính: 1 lô ETF = 100 000 chứng chỉ quỹ ETF/ Unit: 1 Creation Unit = 100 000 ETF shares
- DMCKCC đã dùng hoán đổi 1 lô ETF/ Basket of component securities and cash component:

STT	Mã chứng khoán	Số lượng	Tỷ lệ % trong danh mục
Order	Securities Symbol	Volume	Weighting
1	BID	600	1.01%
2	BMP	140	0.88%
3	BVH	240	0.89%
4	CII	640	1.39%
5	CTD	90	1.48%
6	CTG	1,300	1.86%
7	DHG	160	1.05%
8	DPM	540	0.79%
9	FPT	1,480	5.59%
10	GAS	330	1.84%
11	GMD	350	0.95%
12	HPG	3,170	8.13%
13	HSG	730	1.15%
14	KBC	1,230	1.08%
15	KDC	430	1.09%
16	MBB	3,450	5.56%
17	MSN	1,800	7.43%
18	MWG	700	6.27%
19	NT2	300	0.64%
20	NVL	620	2.64%
21	PVD	670	0.83%
22	REE	650	1.52%
23	ROS	410	5.05%
24	SAB	340	6.57%
25	SBT	1,070	1.62%
26	SSI	1,110	1.87%
27	STB	5,030	3.94%
28	VCB	1,260	3.83%
29	VIC	2,370	11.37%

30	VNM	890	11.49%
----	-----	-----	--------

- Chênh lệch giữa DMCKCC và lô chứng chỉ quỹ ETF hoán đổi/Spread between a basket and 1 lot of ETF in value
- + Giá trị danh mục chứng khoán cơ cấu/basket value: (VND) 1,426,580,000
- Giá trị lô chứng chỉ quỹ ETF/Value per lot of ETF: (VND) 1,429,472,021
- Giá trị chênh lệch/Spread in value: (VND) 2,892,021
- Phương án xử lý đối với giá trị chênh lệch/Plan to reduce the spread:
- + Đối với nhà đầu tư mua chứng chỉ quỹ ETF/With creation order: Nộp tiền bằng giá trị chênh lệch/Transfer cash component
- + Đối với nhà đầu tư bán chứng chỉ quỹ ETF/With redemption order: Nhận tiền bằng giá trị chênh lệch trừ đi thuế, phí mua lại
Receive cash component after subtracting tax and redemption fee

Các trường hợp CKCC được thay bằng tiền/In case, stock can be replaced by cash

Mã chứng khoán	Tiền thay thế tương ứng 1 cổ phiếu (VND)	Đối tượng áp dụng	Lý do
Securities symbol	Cash amount is replaced for 1 share (VND)	Applied investors	State the reason
BVH	58,190	BVSC	Hạn chế đầu tư cổ phiếu công ty mẹ theo quy định điều 44.4.a Thông tư 210/2012/TT-BTC Restriction of ownership by Circular 210/2012/TT-BTC

Các chỉ tiêu khác/Other criteria

Chỉ tiêu/Criteria	Kỳ này/This period 14-11-17	Kỳ trước/Last period 13-11-17	Chênh lệch/ Changes
Số lô đã phát hành thêm Creation Units were issued	0	0	0
Số lô đã mua lại/ Creation Units were redeemed	10	16	-6
Tổng số lượng CCQ đăng ký niêm yết/ Outstanding Shares	116,100,000	117,100,000	-1,000,000
Giá đóng cửa (VND/ccq)/Close Price	14,330	14,220	110
Giá trị tài sản ròng/Net Asset Value:			
của quỹ ETF/of the Fund	1,696,783,288,990	1,678,066,071,801	18,717,217,189
của một lô ETF/per Creation Unit	1,429,472,021	1,413,703,515	15,768,506
của một chứng chỉ quỹ/per Share	14,294.72	14,137.03	157.69
Chỉ số tham chiếu/Benchmark Index	931.05	927.74	3.31



Trần Thanh Tân
Tổng Giám đốc/CEO